

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2015/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 07 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về công tác
thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ về nghi thức Nhà nước trong tổ chức mít tinh, Lễ kỷ niệm, trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ; Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 204/TTr-SNV ngày 22 tháng 5 năm 2015,

25

26

27

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy chế xét khen thưởng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Ban TĐ-KT TW;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Thành viên Hội đồng TĐ-KT tỉnh;
- Sở Nội vụ (03 bản);
- Ban LĐVP;
- Các Phòng, Ban, Trung tâm;
- Lưu: VT, Phòng N/c TH. 102 bản

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Kem qun dial



**QUY ĐỊNH
VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 12/2015/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này là văn bản cụ thể hóa từ các quy định của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng và được áp dụng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Các nội dung về thi đua, khen thưởng có liên quan khác không được quy định trong văn bản này thì thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

Điều 2. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Thi đua được thực hiện theo nguyên tắc:

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.
- b) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua và có đăng ký thi đua.
- c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương là Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng cấp mình.

2. Khen thưởng thực hiện trên nguyên tắc:

- a) Chính xác, dân chủ, công khai, công bằng và kịp thời.
- b) Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cấp cơ sở, cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.
- c) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.
- d) Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung.
- e) Thời gian để đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.



f) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng, không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.

g) Đối với cá nhân trong một năm chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hoặc danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Điều 3. Đối tượng thi đua và khen thưởng

Bao gồm tất cả các tổ chức, tập thể, cá nhân: Các cơ quan Đảng, cơ quan chính quyền, mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên, các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các hội quần chúng, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần, các loại hình doanh nghiệp, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, hộ gia đình, công dân Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích trong phong trào thi đua và có công lao đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, trong hợp tác phát triển, tăng cường tình hữu nghị được UBND tỉnh xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng.

Điều 4. Điều kiện xét khen thưởng

1. Chấp hành nghiêm chủ trương, chính sách, pháp luật, Nghị quyết, Chỉ thị, văn bản của Đảng và Nhà nước. Căn cứ thành tích của các tập thể, cá nhân trong các phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công tác được giao, thành tích phải được căn cứ từ hiệu quả trong lao động, sản xuất, kinh doanh, trong nghiên cứu, trong công tác, chiến đấu, rèn luyện và học tập; hoặc có những sáng kiến, phát minh, đề tài, tác phẩm, áp dụng những kinh nghiệm mang lại hiệu quả cao; những hành động dũng cảm, những gương vượt khó, những việc làm, hành động nhằm phát huy truyền thống đạo lý, nhân nghĩa của dân tộc, của Nhân dân đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho cơ quan, đơn vị, Nhân dân, Nhà nước và xã hội.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm pháp luật; sử dụng rượu bia trong giờ làm việc; vi phạm việc chấp hành quy định trong giờ hành chính và việc chấp hành kỷ luật phát ngôn của cán bộ, đảng viên... hoặc không hoàn thành nhiệm vụ, Đảng bộ, Chi bộ không đạt từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó không được xét khen thưởng; đồng thời người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, Bí thư Đảng bộ, Chi bộ và cấp phó phụ trách lĩnh vực được phân công cũng không được xét khen thưởng.

Điều 5. Nhiệm vụ của công tác thi đua, khen thưởng

1. Tổ chức các phong trào thi đua trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh các phong trào thi đua trong từng năm, từng giai đoạn. Định kỳ, đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng. Tạo động lực động viên, lôi cuốn, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Ghi nhận, đánh giá đúng thành tích của các tập thể và cá nhân trong các phong trào thi đua, từ đó khen thưởng đúng đối tượng, chính xác, kịp thời, có tác

dụng động viên và nêu gương; khắc phục tình trạng khen thưởng tràn lan, thiếu chất lượng. Chú trọng thực hiện việc cấp trên chủ động xem xét, đánh giá và khen thưởng thành tích cho các cá nhân, đơn vị thuộc thẩm quyền. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân phát hiện những trường hợp có thành tích xứng đáng phải có trách nhiệm báo cáo thành tích và kết quả cho cấp có thẩm quyền xét khen thưởng.

Chương II **HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC PHONG TRÀO THI ĐUA**

Điều 6. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

Thi đua thường xuyên và thi đua theo đợt (chuyên đề):

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt nhất công việc hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, đơn vị; thi đua thường xuyên áp dụng giữa các cá nhân trong cùng một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, đơn vị, hoặc giữa các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc giống nhau hoặc gần giống nhau, trong các Khối, Cụm thi đua.

a) Thi đua thường xuyên được tổ chức theo Cụm, Khối thi đua để ký kết giao ước thi đua. Đầu năm, cơ quan, đơn vị thực hiện việc đăng ký giao ước thi đua giữa các cá nhân, tập thể. Kết thúc năm công tác (hoặc năm học đối với các trường học, các cơ sở giáo dục thuộc ngành giáo dục - đào tạo), đơn vị tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua; những cá nhân, tập thể có đăng ký thi đua thì được bình xét danh hiệu thi đua.

b) Việc chia Cụm, Khối thi đua các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

c) Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, các huyện, thành phố phân chia Khối, Cụm thi đua thuộc cơ quan, đơn vị mình, hàng năm phải tổ chức đăng ký thi đua và gửi tổng hợp danh sách các Khối, Cụm thi đua và đăng ký danh hiệu thi đua (gồm Tập thể Lao động xuất sắc, Cờ thi đua của tỉnh và Cờ thi đua của Chính phủ) về Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ). Số lượng các đơn vị trong một Khối, Cụm thi đua ít nhất là 04 đơn vị.

d) Đối với các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp liên doanh có vốn nước ngoài không phải là thành viên của các tổng công ty, đóng trên địa bàn huyện, thành phố, sẽ do huyện, thành phố tổ chức cho các doanh nghiệp đăng ký thi đua, chia Khối, Cụm thi đua theo ngành nghề, quy mô vốn, khu vực... để bình xét thi đua cuối năm.

e) Đối với ngành giáo dục - đào tạo: Việc xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của các trường học, trung tâm, cơ sở đào tạo... được thực hiện theo năm học. Các cơ quan quản lý Nhà nước (Sở Giáo dục và Đào tạo, các Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố) thực hiện xét thi đua theo năm kế hoạch của tỉnh.

Việc xét tặng Cờ thi đua cho các trường học, các cơ sở giáo dục thuộc ngành giáo dục - đào tạo được căn cứ trên cơ sở các đơn vị dẫn đầu Cụm, Khối thi đua của từng cấp học theo quy định về tổ chức bình xét thi đua Khối, Cụm.

2. Thi đua theo đợt (chuyên đề) được phát động khi xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu và thời gian, nhằm thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tập trung hoàn thành nhiệm vụ có tính chất chuyên môn để thực hiện những công việc khó khăn, cấp bách, những việc còn yếu kém.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị và địa phương căn cứ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể, phải có tính khả thi, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, tác dụng, những tồn tại, hạn chế và rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua; công khai lựa chọn, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc. Tổ chức tuyên truyền phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm để mọi người học tập và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

Điều 8. Phương pháp đánh giá, chấm điểm, bình xét thi đua đối với tập thể là thành viên Khối, Cụm thi đua của tỉnh và cá nhân

1. Đối với tập thể là thành viên Khối, Cụm thi đua của tỉnh: Lấy kết quả chấm điểm của Khối, Cụm và kết quả đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành cấp tỉnh đối với các phòng, ban, đoàn thể ở các huyện, thành phố và các huyện, thành phố đánh giá vai trò quản lý chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị tỉnh đối với huyện (được quy định cụ thể trong Quy định về tổ chức hoạt động và bình xét thi đua Khối, Cụm).

2. Đối với cá nhân: Tổ chức bình xét thi đua theo từng nhóm đối tượng giữa những người giữ chức vụ tương đương nhau:

a) Giữa Ban lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, các chức danh tương đương trong cùng cơ quan; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND huyện, thành phố trong cùng địa phương.

b) Giữa Lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, các chức danh tương đương trong cùng Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; giữa lãnh đạo các phòng, ban, và các chức danh tương đương; giữa Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND xã, phường, thị trấn trong một huyện, thành phố.

c) Giữa công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cùng cơ quan, đơn vị, địa phương và người lao động trực tiếp với nhau.

Chương III

CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA, TỶ LỆ, QUY TRÌNH BÌNH XÉT DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 9. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

- a) Lao động tiên tiến, Chiến sĩ tiên tiến.
- b) Chiến sĩ thi đua cơ sở.
- c) Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh.
- d) Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- a) Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến.
- b) Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị quyết thắng.
- c) Cờ thi đua của tỉnh (Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương).
- d) Cờ thi đua của Chính phủ.
- e) Xã, phường, thị trấn và ấp, khóm văn hóa.

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình: Gia đình văn hóa.

Điều 10. Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua

Việc bình chọn, suy tôn danh hiệu thi đua phải bảo đảm tính tiêu biểu trong phong trào thi đua và bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn:

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng thường xuyên hàng năm cho cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 5 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014.

Các trường hợp được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo hệ vừa học, vừa làm thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động xuất sắc” được xét tặng thường xuyên hàng năm theo quy định tại Điều 27, Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003, Điều 6 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Đối tượng xét danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”:

- Cấp tỉnh: Các phòng, ban và tương đương thuộc Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương.

- Cấp huyện: Các phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, UBND cấp xã, phường, thị trấn.

- Đơn vị sản xuất kinh doanh: Công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty liên doanh và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

- Đơn vị sự nghiệp: Các trường học (trừ các trường thuộc tỉnh: Trường Đại học Trà Vinh, Trường Chính trị, Trường Cao đẳng Y tế, Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật), bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

Các đơn vị trường học, doanh nghiệp, xã, phường, thị trấn được tặng Cờ thi đua của tỉnh còn được đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận “Tập thể Lao động xuất sắc” để làm cơ sở đề nghị xét khen thưởng bậc cao.

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh” được xét tặng thường xuyên hàng năm cho cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

5. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc được xét tặng thường xuyên hàng năm cho cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 4 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

6. Cờ thi đua của tỉnh xét tặng cho các tập thể:

a) Đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

b) Tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 02 năm trở lên hoặc phong trào thi đua đặc biệt theo đợt có chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

c) Xét tặng cho đơn vị có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong công tác quân sự địa phương hàng năm.

7. Cờ thi đua của Chính phủ: Xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong số những tập thể đã được tặng Cờ thi đua của tỉnh, đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ.

Điều 11. Tỷ lệ, quy trình xét danh hiệu thi đua

1. Tỷ lệ xét danh hiệu thi đua:

a) “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”: Những tập thể, cá nhân đạt các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, được xét danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”, không quy định tỷ lệ.

b) “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: Tỷ lệ xét chọn không quá 15% trên tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị và phải đạt từ 70% trở lên số phiếu đồng ý của Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở.

c) “Chiến sĩ thi đua tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”:

Cá nhân đạt các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định được xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, không quy định tỷ lệ, nhưng phải đạt từ 90% trở lên số phiếu đồng ý của các Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh.

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được đề nghị phong tặng sau năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh” lần thứ hai.

d) “Tập thể Lao động xuất sắc”:

Đối với các tập thể không thuộc đối tượng tặng Cờ thi đua: Phòng, ban, đơn vị trực thuộc Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; các phòng, ban thuộc huyện, thành phố; các phòng, khoa, bệnh viện thuộc các đơn vị sự nghiệp; các xí nghiệp, phòng, phân xưởng thuộc đơn vị sản xuất kinh doanh. Xét chọn không quá 50% trên tổng số các phòng, ban, đơn vị trực thuộc của cơ quan, đơn vị, địa phương đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

Đối với các tập thể thuộc đối tượng tặng Cờ thi đua: Các đơn vị trường học (trừ các trường thuộc tỉnh), doanh nghiệp, xã, phường, thị trấn thuộc các Khối, Cụm thi đua. Tỷ lệ không quá 50% tổng số thành viên Khối, Cụm thi đua không đạt Cờ thi đua.

Ví dụ: Cụm thi đua các xã thuộc huyện Châu Thành (Cụm 1) có 5 xã, trong đó 01 xã đạt Cờ thi đua tỉnh; 4 xã còn lại, xét chọn 50% danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc = 2 xã.

e) “Cờ thi đua của tỉnh”:

Tỷ lệ xét chọn Cờ thi đua tỉnh, xét tặng cho đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua Khối, Cụm.

Đối với các phong trào thi đua chuyên đề, tùy tình hình thực tiễn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đề xuất số lượng Cờ thi đua phù hợp.

Không nhất thiết các Cụm, Khối thi đua hoặc mỗi phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) đều được tặng Cờ thi đua (nếu thành tích chưa đạt các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định).

f) “Cờ thi đua của Chính phủ”: Tỷ lệ đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ không quá 20% tổng số tập thể được tặng Cờ thi đua cấp tỉnh.

2. Quy trình xét danh hiệu thi đua:

a) Xét danh hiệu thi đua thấp trước để làm cơ sở xét danh hiệu thi đua cao hơn.

b) Thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp xét chọn bằng hình thức bỏ phiếu kín.

c) Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, các sáng kiến phải được Hội đồng Xét duyệt sáng kiến thi đua các cấp xét công nhận trước khi đưa ra Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp họp xét.

Chương IV **CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG** **VÀ TIÊU CHUẨN XÉT KHEN THƯỞNG**

Điều 12. Hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng cấp Nhà nước

1. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Tặng cho tập thể, cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ.

2. Huân chương Lao động các hạng:

a) Tặng cho tập thể, cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 18, 19, 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 15, 16, 17 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ.

Những tập thể không thuộc đối tượng xét tặng Cờ thi đua, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, khi xem xét đề nghị tặng Huân chương Lao động các hạng và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thì được căn cứ vào thành tích của các đơn vị trực thuộc trực tiếp để xem xét khen thưởng, cụ thể: Trong khoảng thời gian xét khen thưởng (ví dụ 05 năm), hàng năm tập thể đó phải có từ 2/3 trở lên số đơn vị trực thuộc trực tiếp đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

b) Việc xét tặng “Huân chương Lao động”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” cho tập thể và cá nhân phải có số phiếu đồng ý từ 70% trở lên của các Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

c) Đối với cá nhân trong một năm chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hoặc Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Điều 13. Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh

1. Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ.

2. Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 39 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

3. Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 70 triệu đồng trở lên.

4. Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc một trong các trường hợp sau:

a) Đóng góp bằng tiền, vật chất, hiến đất có giá trị từ 70 triệu đồng trở lên (đối với cá nhân) 100 triệu đồng trở lên (đối với tập thể) hoặc tổ chức, cá nhân đã vận động các tổ chức, cá nhân khác đóng góp tiền, vật chất có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên vào mục đích từ thiện xã hội, xây dựng các công trình phúc lợi xã hội.

b) Hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước hàng năm.

c) Các xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) được công nhận là xã văn hóa (không tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho các xã được tái công nhận).

d) Lập thành tích xuất sắc trong việc duy trì, bảo quản và phát huy giá trị văn hóa khi di tích lịch sử đó được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia.

e) Lập thành tích trong thực hiện hoặc chỉ đạo thực hiện các công trình trọng điểm, các công trình phúc lợi - xã hội của tỉnh (có giá trị từ 5 tỷ đồng trở lên) hoàn

thành vượt kế hoạch ít nhất 20% thời gian, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh lao động và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

f) Đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng (Nhất, Nhì, Ba hoặc giải A, B), khuyến khích tại các kỳ thi, cuộc thi, các giải thi đấu quốc tế, quốc gia, khu vực do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức trong các lĩnh vực: Giáo dục và đào tạo, thể dục - thể thao, văn học - nghệ thuật, thông tin - truyền thông, cụ thể:

- Đạt Huy chương Vàng (giải Nhất hoặc giải A) đối với cấp khu vực (đồng bằng sông Cửu Long, miền Nam...).

- Đạt Huy chương Đồng (giải Ba hoặc giải B) trở lên đối với cấp quốc gia.

- Đạt giải khuyến khích trở lên đối với cấp quốc tế và khu vực quốc tế (Đông Nam Á, Châu Á, Châu Á - Thái Bình Dương...).

- Các huấn luyện viên (Trưởng), được Chủ tịch UBND tỉnh xem xét khen thưởng khi huấn luyện vận động viên đạt Huy chương Bạc cấp quốc gia trở lên.

g) Cán bộ áp, khóm lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

h) Có thành tích xuất sắc trong phá các chuyên án lớn, dũng cảm quên mình cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân.

k) Các trường hợp khác, tùy theo thành tích, tính chất và mức độ đóng góp; các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố xem xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng phù hợp.

Số lượng, điều kiện, tiêu chuẩn xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân nêu tại Khoản 4 Điều này, giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hướng dẫn cụ thể.

5. Khen thưởng theo đợt (chuyên đề):

a) Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng theo đợt (chuyên đề), chỉ thực hiện khi tiến hành sơ kết, tổng kết phong trào thi đua hoặc theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương. Việc khen thưởng theo chuyên đề, chủ yếu áp dụng hình thức khen thưởng của cấp phát động phong trào. Trường hợp tổ chức trong phạm vi cả nước, khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua từ 03 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng Bằng khen; từ 05 năm trở lên lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc đề nghị Chủ tịch nước xét tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

b) Khen thưởng theo đợt (chuyên đề) phải có kế hoạch, tiêu chí thi đua, dự kiến số lượng, đối tượng khen thưởng và đăng ký với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh từ khi phát động. Các chuyên đề là nhiệm vụ thường xuyên trong năm của cơ quan, đơn vị thì không khen thưởng theo chuyên đề mà đưa vào nội dung hoạt động chuyên môn của cơ quan, đơn vị, địa phương để xem xét khen thưởng tổng kết năm. Đối với cá nhân phụ trách, chuyên trách chuyên đề đã được xét khen thưởng tổng kết công tác chuyên đề đó thì không xét khen thưởng tổng kết năm.

c) Hạn chế việc xét khen thưởng Thành viên các Ban Chi đạo (Lãnh đạo Sở, Ban ngành tỉnh, lãnh đạo huyện, thành phố) và tập thể là Sở, Ban, ngành tỉnh, huyện, thành phố...; quan tâm khen thưởng những tập thể, cá nhân (trực tiếp công tác, lao động, chiến đấu) là những mô hình, điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua. Các cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng chuyên đề phải trao đổi thống nhất về số lượng, đối tượng dự kiến với Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước khi báo cáo xin ý kiến Chủ tịch UBND tỉnh.

d) Đối với các đơn vị thuộc hệ thống quản lý theo ngành dọc, UBND tỉnh chỉ tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp cụ thể cho tỉnh trong từng năm hoặc nhân dịp kỷ niệm truyền thống 10 năm, 15 năm, 20 năm... thành lập ngành, đơn vị.

Chương V

DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC, GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH, GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC

Điều 14. Danh hiệu vinh dự Nhà nước

1. Bà mẹ Việt Nam anh hùng

Thực hiện theo quy định của Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” ngày 29/8/1994; Pháp lệnh số 05/2012/UBTVQH13 ngày 20/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”; Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”; Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-BNV-BQP-BLĐTBXH ngày 10/10/2014 của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 56/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013.

2. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân: Thực hiện theo quy định tại Khoản 30 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

3. Anh hùng Lao động: Thực hiện theo quy định tại Khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

4. “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Khoản 32 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

5. “Thầy thuốc nhân dân”, “Thầy thuốc ưu tú”: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 63 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Khoản 33 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

6. “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 64 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

7. “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú”: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 65 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Khoản 35 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

Điều 15. Giải thưởng Hồ Chí Minh

Thực hiện theo quy định tại Điều 67 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

Điều 16. Giải thưởng Nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 68 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; Khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013.

Điều 17. Tôn vinh doanh nhân - doanh nghiệp

Việc xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp thực hiện theo Quyết định số 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp; Thông tư số 01/2012/TT-BNV ngày 16/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Quyết định 51/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Quy chế xét tôn vinh doanh nhân - doanh nghiệp của tỉnh.

Chương VI

**THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG,
THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG**

Điều 18. Thẩm quyền quyết định và trao tặng

1. Quyết định tặng và trao tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng, các danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Nhà nước thực hiện theo quy định tại các Điều 77, 78, 80, 81 của Luật Thi đua, Khen thưởng; Khoản 45, 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 26 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ.

2. Chính quyền cùng cấp không quyết định khen thưởng cho cơ quan Đảng cùng cấp (chỉ quyết định khen thưởng cho các Ban của Đảng cùng cấp).

Ví dụ: UBND huyện không quyết định khen thưởng cho Huyện ủy. Tuy nhiên, quyết định khen thưởng Văn phòng Huyện ủy, Ban Tổ chức Huyện ủy, Ủy ban kiểm tra Huyện ủy...

3. Đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến và đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, Tập thể Lao động tiên tiến.

4. Đối với các doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh nước ngoài... hoạt động độc lập do Giám đốc doanh nghiệp xét, tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở.

5. Đối với các doanh nghiệp là thành viên của tập đoàn kinh tế, tổng công ty (hoặc tương đương) do Giám đốc doanh nghiệp thành viên xét, tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động tiên tiến và danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

6. Đối với các doanh nghiệp có trụ sở nằm trong các Khu công nghiệp, Khu kinh tế... Giám đốc các doanh nghiệp công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Điều 19. Quy định về hồ sơ, thủ tục, thời gian đề nghị khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Điều 19 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ.

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng: Hồ sơ đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức khen thưởng, gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của các đơn vị thuộc tỉnh: 03 bản chính.

b) Biên bản họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cấp đề nghị khen thưởng: 01 bản chính.

c) Báo cáo thành tích, báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị xét khen thưởng:

- Đối với danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh:

+ Báo cáo thành tích, mỗi trường hợp 01 bản chính.

+ Báo cáo tóm tắt thành tích: 10 bộ, theo thứ tự Tờ trình (Danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau, tập thể trước, cá nhân sau).

- Đối với Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh: Mỗi trường hợp 01 bản chính báo cáo thành tích.

- Đối với Cờ thi đua của tỉnh: 01 bản chính báo cáo thành tích.

- Đối với khen thưởng cấp Nhà nước:

+ Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ: Mỗi trường hợp 03 bản chính báo cáo thành tích (đối với những trường hợp phải lấy ý kiến hiệp y 04 bộ).

+ Huân chương Lao động các hạng: Mỗi trường hợp 04 bản chính báo cáo thành tích (đối với những trường hợp phải lấy ý kiến hiệp y 05 bộ).

+ Chiến sĩ thi đua toàn quốc: Mỗi trường hợp 05 bản chính báo cáo thành tích.

- Tất cả các báo cáo thành tích phải có nhận xét của Thủ trưởng cấp trên quản lý trực tiếp đối với tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo thành tích đó.

d) Báo cáo tóm tắt đề tài, sáng kiến (có xác nhận của Hội đồng xét duyệt sáng kiến hoặc Hội đồng khoa học của Bộ, ngành Trung ương, tỉnh) đối với các đề tài, sáng kiến đề nghị xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh và Chiến sĩ thi đua toàn quốc (15 bản).

e) Văn bản hiệp ý.

f) Xác nhận của cơ quan tài chính theo quy định (đối với đơn vị và Thủ trưởng đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách).

g) Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất quy định tại Khoản 3, Điều 13 Quy định này, cơ quan chuyên môn làm công tác thi đua - khen thưởng có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền khen thưởng kịp thời. Hồ sơ gồm: Tờ trình, tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp, ghi rõ hành động, thành tích, công trạng đề nghị khen thưởng (03 bộ).

2. Thời gian nộp hồ sơ và giải quyết khen thưởng:

a) Thời gian nộp hồ sơ trình khen thưởng cấp tỉnh: Hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng) trước ngày 15 tháng 3 hàng năm; riêng ngành giáo dục - đào tạo gửi hồ sơ trước ngày 15 tháng 8 hàng năm. Sau khi nhận đủ hồ sơ, đúng thủ tục, trong 10 ngày làm việc Ban Thi đua - Khen thưởng tham mưu thẩm định hồ sơ thông qua Thường trực và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng.

b) Thời gian nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước: Hồ sơ đề nghị khen thưởng thường xuyên cấp Nhà nước gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chậm nhất ngày 15 tháng 4 hàng năm, đối với ngành giáo dục - đào tạo trước ngày 30 tháng 8 hàng năm. Ban Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

c) Đối với khen thưởng chuyên đề, khi tổ chức sơ kết, tổng kết chuyên đề phải gửi hồ sơ đề nghị về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ít nhất 05 ngày làm việc.

d) Cơ quan làm công tác thi đua - khen thưởng các cấp có trách nhiệm kiểm tra việc chấp hành về quy trình, thủ tục, tính chính xác của hồ sơ, thẩm định tiêu chuẩn khen thưởng của các đối tượng được đề nghị khen thưởng.

Các cơ quan, đơn vị và địa phương nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng trễ hạn so với thời gian quy định 10 ngày làm việc, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh không tiếp nhận. Các trường hợp gửi trễ dưới 10 ngày so với quy định, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh sẽ xem xét trừ điểm thi đua (theo quy định về tổ chức hoạt động và chấm điểm thi đua Khối, Cụm).

3. Thông báo kết quả khen thưởng:

a) Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kết quả xét duyệt của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh cho cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng biết, chậm nhất là 10 ngày làm việc sau khi có kết quả xét duyệt.

b) Những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng, không đưa ra Hội đồng hoặc Thường trực Hội đồng xem xét (Chuyên viên thẩm định trả hồ sơ cho cơ quan, đơn vị đề nghị trong vòng 05 ngày làm việc và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định).

4. Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng:

a) Mỗi danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quy định các tiêu chuẩn khác nhau. Vì vậy, khi đề nghị khen thưởng, báo cáo thành tích phải bám sát tiêu chuẩn đó. Báo cáo thành tích phải có đủ các căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ và Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

b) Nội dung, hình thức báo cáo thành tích theo mẫu từ số 01 đến số 08 phụ lục kèm theo Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ.

5. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng:

a) Các Sở, Ban ngành tỉnh, UBND huyện, thành phố có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại hoặc xác nhận các đối tượng được khen thưởng (đối với khen thưởng kháng chiến) khi có yêu cầu.

b) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh lấy ý kiến Nhân dân trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Báo Trà Vinh đối với các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 20. Tuyển trình khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Khoản 8, 9, 10 và 11 Điều 53 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Điều 20 Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Đối với tổ chức công đoàn:

a) UBND tỉnh khen thưởng, trình Thủ tướng Chính phủ xét khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng cho các đối tượng sau: Liên đoàn Lao động cấp huyện, thành phố, công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức cấp tỉnh; công đoàn Khu công nghiệp; công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

b) Chủ tịch UBND huyện, thành phố trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho Liên đoàn Lao động huyện, thành phố và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc Liên đoàn Lao động huyện, thành phố.

c) Thủ trưởng Sở, Ban ngành tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho công đoàn và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn, cán bộ công đoàn bán chuyên trách thuộc công đoàn ngành.

Ví dụ: Sở Y tế trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng cho công đoàn và cán bộ công đoàn ngành Y tế. Đảng ủy Dân chính Đảng đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng cho công đoàn viên chức và cán bộ công đoàn viên chức...

3. Đối với các Hội đặc thù thuộc tỉnh: Do Chủ tịch Hội khen thưởng và trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý. Khi đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho tập thể Hội và Chủ tịch Hội, phải có ý kiến hiệp y của Sở quản lý chuyên ngành liên quan.

Ví dụ: Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh khi đề nghị khen thưởng cho tập thể Hội và Chủ tịch Hội, phải có ý kiến hiệp y của Văn phòng UBND tỉnh. Hội Khuyến học tỉnh khi đề nghị khen thưởng cho tập thể Hội và Chủ tịch Hội, phải có ý kiến hiệp y của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Đối với các cơ quan quản lý tổ chức, hưởng lương theo hệ thống ngành dọc từ Trung ương đến cơ sở (như Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Thuế, Kho Bạc, Ngân hàng, Bảo hiểm Xã hội, Thống kê...) do các cơ quan, đơn vị ngành dọc xét và công nhận các danh hiệu thi đua.

Điều 21. Hiệp y khen thưởng

Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ xác định trước khi quyết định khen thưởng.

1. Đối với khen thưởng cấp Nhà nước, các trường hợp phải lấy ý kiến hiệp y của Bộ, ngành Trung ương là tập thể đơn vị và Thủ trưởng đơn vị thuộc tỉnh, do Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thực hiện.

2. Bộ, ngành Trung ương khen thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc tỉnh quản lý hoặc trình khen thưởng cấp Nhà nước cho các cơ quan, đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ hiệp y khi có văn bản đề nghị của Bộ, ngành Trung ương và Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

3. Các Phòng, Ban thuộc huyện và Thủ trưởng các Phòng, Ban thuộc huyện khi đề nghị các hình thức khen thưởng cấp tỉnh trở lên phải có ý kiến hiệp y của cơ quan quản lý chuyên ngành cấp tỉnh.

4. Ngoài các quy định nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh sẽ căn cứ tình hình, điều kiện cụ thể từng trường hợp để xem xét có ý kiến hiệp y.

Riêng đối với các trường hợp đề nghị danh hiệu vinh dự Nhà nước (Anh hùng Lao động, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú...) phải lấy ý kiến của địa phương nơi cư trú và lấy ý kiến trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh như Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh.

Điều 22. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét duyệt sáng kiến các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh: Thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ.

2. Hội đồng xét duyệt sáng kiến thi đua cấp tỉnh: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ. Hội đồng xét duyệt sáng kiến thi đua cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định, có nhiệm vụ giúp Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu, giải pháp công tác.

3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở (Sở, Ban ngành tỉnh và tương đương, UBND huyện, thành phố):

a) Do Thủ trưởng Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định thành lập.

b) Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng phải là Thủ trưởng Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố.

c) Thành phần, số lượng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở, Ban ngành tỉnh do Thủ trưởng Sở, Ban ngành tỉnh quy định, nhưng không quá 11 Thành viên. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, thành phố do Chủ tịch UBND huyện, thành phố quy định và có từ 13 đến 15 Thành viên, trong đó Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Nội vụ (phụ trách thi đua, khen thưởng) làm Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng.

d) Hội đồng xét duyệt sáng kiến thi đua cấp cơ sở do Thủ trưởng Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố quyết định thành lập, gồm những Thành viên có trình độ chuyên môn trên các lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu, giải pháp công tác và các Thành viên khác (nếu cần thiết).

e) Tùy tình hình và điều kiện cụ thể, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố quy định thành phần, số lượng và kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét duyệt sáng kiến của cấp mình cho phù hợp.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA - KHEN THƯỞNG VÀ CHẾ ĐỘ SỬ DỤNG

Điều 23. Nguồn hình thành, mức trích quỹ

Thực hiện theo Điều 67 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ, Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) tham mưu trình UBND tỉnh xem xét giải quyết kịp thời, đúng quy định về nguồn kinh phí khen thưởng của tỉnh.

Điều 24. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ được nhận mức tiền thưởng cao nhất.

Ví dụ 1: Cuối năm 2014, ông Nguyễn Văn X được xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến, sau đó được xét công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, thì ông X chỉ nhận được tiền thưởng kèm theo danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Ví dụ 2: Cuối năm 2014, Cơ quan A được xét tặng Cờ thi đua của tỉnh, sau đó được xét đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ thì Cơ quan A chỉ được nhận tiền thưởng kèm theo Cờ thi đua của Chính phủ.

3. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng các danh hiệu thi đua.

Ví dụ: Cuối năm 2014, bà Nguyễn Thị Y được xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, sau đó được xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua tỉnh, thì Bà Y nhận được tiền thưởng kèm theo cả 02 danh hiệu: Chiến sĩ thi đua cơ sở và Chiến sĩ thi đua tỉnh.

4. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Ví dụ: Cuối năm 2014, ông Lê Văn N được xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua tỉnh, đồng thời được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thì ông N được nhận tiền thưởng kèm theo cả 2: Danh hiệu Chiến sĩ thi đua tỉnh và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Đối với các tập thể, cá nhân (kể cả người nước ngoài), các tổ chức quốc tế có thành tích đóng góp tiền, vật chất trong các cuộc vận động ủng hộ đồng bào bị thiên tai, địch họa, trong công tác từ thiện xã hội... được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

Điều 25. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 69 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 26. Mức tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 71, 72, 73, 74, 75, 76 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Chương VIII

CÔNG TÁC THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN, TỔ CHỨC CÔNG BỐ, TRAO TẶNG CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ NHÂN ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN

Điều 27. Công tác thông tin, tuyên truyền

Sở Nội vụ phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Trà Vinh và các cơ quan thông tin, báo chí tổ chức tuyên truyền chủ trương của Đảng,

pháp luật của Nhà nước, tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua, khen thưởng; giới thiệu, biểu dương những nhân tố tích cực, những gương người tốt, việc tốt tiêu biểu, những điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua, phong trào hành động cách mạng của quần chúng và các trường hợp được khen thưởng.

Điều 28. Tổ chức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

Đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, hiệu quả, có tác dụng động viên, giáo dục nêu gương, tránh phô trương hình thức, lãng phí. Lễ công bố và trao tặng các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về nghi thức Nhà nước trong tổ chức mít tinh, Lễ kỷ niệm; trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và theo Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 22 tháng 7 năm 2010 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức các ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận các danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước. Không tổ chức Lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước riêng mà kết hợp tổ chức cùng với các Lễ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống của ngành, địa phương, đơn vị (trừ Lễ tặng và truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, Huân chương, Huy chương kháng chiến).

**Chương IX
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm tổ chức triển khai quy định này đến các Sở, Ban ngành tỉnh, UBND huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện quy định này.

2. Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng nội dung Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những vấn đề vướng mắc, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) để được hướng dẫn, phối hợp giải quyết theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Hân

